TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC ----------
Số: 21/2018/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 14 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa:

*** N đơn**: Chị Đỗ Thị N; SN: 1981

HKTT: T - C - M - Hưng Yên

Địa chỉ: thôn T - C - M - Hưng Yên

*** Bị đơn**: Anh Phan Đình S; SN: 1978

Địa chỉ: Thôn T - C - M - Hưng Yên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Phan Thị Hoàng N; sinh ngày 30/11/2001

Địa chỉ: thôn T - C - M - Hưng Yên

Đại diện theo pháp luật của cháu Phan Thị Hoàng N:

+ Chị Đỗ Thị N; SN: 1981

HKTT: T - C - M - Hưng Yên

Địa chỉ: thôn T - C - M - Hưng Yên

- Cháu Phan Đình M; sinh ngày 10/12/2007

Địa chỉ: thôn T - C - M - Hưng Yên

Đại diện theo pháp luật của cháu Phan Đình M:

+ Anh Phan Đình S; SN: 1978

Địa chỉ: Thôn T - C - M - Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Đỗ Thị N và anh Phan Đình S.

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Phan Đình S thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Phan Đình S xác định vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 30/11/2001 và cháu Phan Đình M, sinh ngày 10/12/2007.

Khi ly hôn anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Phan Thị Hoàng N cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên; giao cháu Phan Đình M cho anh S nuôi dưỡng đến khi cháu M thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Phan Đình S đều thỏa thuận thống nhất anh S, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con chung, chị N, anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị N, anh S có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh S, chị N thực hiện quyền này.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Chị Đỗ Thị N và anh Phan Đình S đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí**: Chị Đỗ Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 013181 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, trả lại chị Đỗ Thị N 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng).

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: ***Thẩm phán***

- Đương sự.
- VKSND huyện M
- Chi cục T.H.A DS huyện M.
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Tuấn Trọng